

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày 12-8-2025

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Anh Liêm**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Hoài Thu**

Ông **Nguyễn Hữu Dương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hương Giang** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đình Hữu M**, sinh năm 1962; trú tại: khối phố B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là khối phố B, xã Đ, thành phố Đà Nẵng); có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đình Hữu M:* Luật sư **Trần Thị L** – Công ty Luật TNHH MZI Lawyers; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1974; trú tại: khối phố B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là khối phố B, xã Đ, thành phố Đà Nẵng); có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Văn K:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm 1994; địa chỉ: số 92 đường Thanh Hóa, phường H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Ngô Thị D**, sinh năm 1971; có mặt.

+ Ông **Đình Văn Q**, sinh năm 1993; có mặt.

+ Bà **Ngô Thị E**, sinh năm 1981; vắng mặt.

+ Ông **Võ Minh S**, sinh năm 2004; vắng mặt.

+ Bà **Võ Thị B**, sinh năm 2004; vắng mặt.

+ Bà Đinh Thị T, sinh năm 1997; vắng mặt.

Cùng trú tại: khối phố B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là khối phố B, xã Đ, thành phố Đà Nẵng).

Bà Đinh Thị T ủy quyền cho ông Đinh Hữu M tham gia tố tụng; có mặt.

Bà Ngô Thị E, ông Võ Minh S, bà Võ Thị B ủy quyền cho ông Võ Văn K tham gia tố tụng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trần X, sinh năm 1975; có mặt.

+ Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1986; có mặt.

Cùng nơi công tác: Chuyên viên Phòng Kinh tế xã H, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông Nguyễn Phước C, sinh năm 1958; trú tại: khối phố B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là khối phố B, xã Đ, thành phố Đà Nẵng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đinh Hữu M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị T trình bày:

Nguyên trước đây, mẹ ông là bà Bùi Thị U có một mảnh đất để làm nhà và trồng cây lâu năm. Khi ông lập gia đình thì bà U có chia mảnh đất làm hai để cho vợ chồng ông một nửa để ở, phần còn lại bà Bùi Thị U tiếp tục sử dụng. Đến ngày 18/8/1994, ông Đinh Hữu M được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 355787 thuộc thửa đất số 419, tờ bản đồ số 05, diện tích 945m², mục đích sử dụng: thổ cư; thời hạn sử dụng: lâu dài.

Theo ý kiến trình bày của ông Đinh Hữu M, chiều ngang mặt tiền khu đất của gia đình ông tính từ mặt trong cây trụ điện sát đường QL14E kéo qua nhà ông Võ Văn K là 24m. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông có để lại cho bà Bùi Thị U một mảnh đất khoảng 23,9m² để trồng rau, trồng dây trầu. Đến năm 2021, bà Bùi Thị U mất, gia đình ông Đinh Hữu M muốn lấy mảnh đất này để sử dụng nhưng ông Võ Văn K không đồng ý.

Qua đo đạc thực tế lần đầu xác định diện tích đất tranh chấp là 21m², đo đạc lần thứ hai xác định diện tích đất tranh chấp là 8,2m² nên tại phiên tòa ông Đinh Hữu M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 12,8m², yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn K trả lại diện tích đất lấn chiếm là 8,2m² tại khối phố B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là xã H, thành phố Đà Nẵng) thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn K, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị E, ông Võ Minh S và bà Võ Thị B trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất là do mẹ ông là bà Bùi Thị U để lại cho hai anh em. Ông Đinh Hữu M sử dụng phần đất trên bậc, còn ông Võ Văn K sử dụng phần đất dưới bậc. Phần diện tích đất tranh chấp nằm ở dưới bậc và do bà Bùi Thị U sử dụng để trồng dây trầu trước khi chia đất cho hai anh em. Năm 1994, diện tích đất của bà Bùi Thị U và ông Đinh Hữu M được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất. Năm 2015, bà Bùi Thị U tặng cho phần diện tích đất của bà đang sử dụng cho hộ gia đình ông và được UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BX 300199 ngày 12/3/2015 diện tích đất 831m² thuộc thửa đất số 418, tờ bản đồ số 05.

Khi đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015 xác định chiều ngang diện tích đất của gia đình ông tiếp giáp Quốc lộ 14E là 22m. Ông Võ Văn K có trồng một cây trụ xi măng làm ranh giới đất giữa gia đình ông với gia đình ông Đinh Hữu M, đến nay cây trụ xi măng này vẫn còn.

Đối với phần đất tranh chấp, khi bà Bùi Thị U còn sống sử dụng để trồng dây trầu, gia đình ông ở cùng nhà với bà Bùi Thị U nên phần đất này gia đình ông cùng sử dụng chung. Đến năm 2021, khi bà Bùi Thị U mất thì phần đất này gia đình ông sử dụng để trồng cây cảnh đến khi xảy ra tranh chấp với gia đình ông Đinh Hữu M.

Đến nay ông Đinh Hữu M khởi kiện, yêu cầu ông trả lại diện tích đất tranh chấp 8,2m² thì ông không đồng ý. Ông Võ Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị D trình bày như ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Đinh Hữu M và không có ý kiến bổ sung.

Theo bản tự khai của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn Q, bà Đinh Thị T trình bày:

Khi còn sống, bà Bùi Thị U có kể cho ông bà nghe nguồn gốc đất trước kia: bậc trên là bà U cho ông Đinh Văn Long, thẳng ra đường cái, còn bậc dưới bà Bùi Thị U ở. Đến năm 2015, bà Bùi Thị U tặng cho đất phần bậc dưới cho ông Võ Văn K và địa chính xuống đo ranh giới giữa hai nhà thẳng ra đường cái, vuông vức như trong bìa đồ trước kia.

Theo lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Hữu M trình bày:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của ông Trần X – nguyên là công chức địa chính cũ, trực tiếp đo đạc diện tích đất cho các bên xác định ranh giới đất giữa hộ gia đình ông Đinh Hữu M với ông Võ Văn K là đường thẳng. Khi ông Đinh Hữu M làm tường rào, có chừa lại phần đất tranh chấp cho mẹ ông là bà Bùi Thị U sử dụng để trồng dây trầu là phù hợp với đạo đức xã hội. Khi còn sống, bà Bùi Thị U là người sử dụng đất. Chiều ngang diện tích đất cấp cho ông Đinh Hữu M theo sơ đồ 299 là 25,88m, nhưng đo đạc thực tế còn lại 22,18m. Tổng diện tích đất ông Đinh Hữu M đang sử dụng thực tế thiếu 118m², trong khi đó diện tích đất của ông Võ Văn K thừa 5,9m². Hiện tại hộ ông Võ Văn K sử dụng diện tích đất tranh chấp và nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng QL14E vì các bên đã có hàng rào đất. Từ những lý do trên, đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp 8,2m² thuộc về ông Đinh Hữu M, đồng thời yêu cầu ông Võ Văn K phải trả lại diện tích đất này.

Theo lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Văn K trình bày:

Theo yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu M không có cơ sở bởi vì: Căn cứ theo hồ sơ cấp đất cũng như các tài liệu, chứng cứ khác cho thấy nguồn gốc đất tranh chấp do bà Bùi Thị U khai hoang, sử dụng trước năm 1975. Sau khi ông Đinh Hữu M có gia đình, bà tặng cho ông Đinh Hữu M một nửa, phần còn lại bà sử dụng. Đến năm 2015, bà tặng cho toàn bộ diện tích đất bà sử dụng cho gia đình ông Võ Văn K. Gia đình ông K và bà U ở chung nhà nên phần diện tích đất tranh chấp do ông K và bà U cùng sử dụng. Hiện tại trên đất có một số tài sản do ông K sở hữu, ông M không tranh chấp. Phần đất phía trước phần đất tranh chấp tiếp giáp đường Quốc lộ 14E ông K là người nhận tiền bồi thường. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu M buộc ông Võ Văn K trả lại diện tích đất tranh chấp 8,2m².

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 182, 183 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị Tòa án tuyên: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Đinh Hữu M về việc yêu cầu ông Võ Văn K trả lại diện tích đất 8,2 m². Án phí và chi phí thẩm định ông Đinh Hữu M phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Đinh Hữu M với ông Võ Văn K là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X - Đà Nẵng.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị T, bà Ngô Thị E, bà Võ Thị B và ông Võ Minh S có giấy ủy quyền nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Theo bản đồ 299 do ông Trần X nguyên là công chức địa chính – xây dựng thị trấn B (nay là xã H) cung cấp cho thấy: chiều ngang mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 14E đất ông Đinh Hữu M là 25,885m, chiều ngang đất ông Võ Văn K là 25,279m; chênh lệch chiều ngang giữa đất ông Đinh Hữu M so với đất ông Võ Văn K là 0,6m.

Kết quả đo đạc xác định: chiều ngang đất của ông Đinh Hữu M đang sử dụng thực tế là 22,78m (tọa độ 5-6-7), ông Võ Văn K đang sử dụng thực tế là 19,62m; chênh lệch chiều ngang giữa đất ông Đinh Hữu M so với đất ông Võ Văn K đang sử dụng thực tế là 3,16m.

Điều này cho thấy, trong quá trình sử dụng đất, chiều ngang mặt tiền diện tích đất của các bên có sự biến động giảm; tuy nhiên chiều ngang đất ông Đinh Hữu M sử dụng thực tế có sự biến động tăng hơn 5 lần so với chiều ngang đất ông Võ Văn K so với chiều ngang đất giữa các bên được thể hiện trong bản đồ 299.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Hữu M cho rằng chiều ngang mặt tiền đất của gia đình ông được Nhà nước cấp là 24m. Vấn đề này ông nghe ông Trần Đà Sơn nói như vậy. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Trần Đà Sơn cho rằng, thời điểm năm 1994, khi thực hiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Hữu M và bà Bùi Thị U ông không trực tiếp thực hiện mà chỉ tham gia đi khảo sát. Ông Trần Đà Sơn cũng khẳng định ranh giới diện tích đất giữa hai bên đến nay ông không nhớ rõ.

[2.3]. Theo lời khai của ông Nguyễn Phước Dũng, người sử dụng đất liền kề với đất ông Đinh Hữu M xác định: ranh giới giữa đất ông Đinh Hữu M với gia đình ông là tường rào kiên cố do gia đình ông xây dựng. Gia đình ông Dũng không có đổi đất với gia đình ông M. Do đó, ý kiến ông M cho rằng phần chiều ngang mặt tiền 0,6m (tọa độ số 5-6) do gia đình ông đổi đất với gia đình ông Dũng là không đúng thực tế. Tại phiên tòa, ông Đinh Hữu M cũng cho rằng phần diện tích đất này không nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng Quốc lộ 14E, gia đình ông chưa nhận tiền bồi thường. Tuy nhiên, theo ý kiến ông Phạm Văn Bình công chức địa chính - xây dựng thị trấn B (nay là xã H) cho rằng việc giải phóng mặt bằng Quốc lộ 14E đoạn qua nhà ông Đinh Hữu M đã thực hiện xong, các hộ dân đã nhận tiền bồi thường.

[2.4]. Văn bản số 137/UBND-TNMT ngày 12/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam cho rằng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A355787 ngày 18/8/1994 cho hộ ông Đinh Hữu M không thể hiện vị trí, ranh giới, mốc giới cụ thể nên không thể định vị, cắm mốc. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Hữu M không có sơ đồ, bản vẽ nên không có cơ sở xác định kích thước các cạnh.

[2.5]. Theo Báo cáo số 646/BC-UBND ngày 20/11/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn B cung cấp xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất 21m² (lần đo đạc ngày 13/01/2023): Thời điểm từ năm 1975 đến năm 1994, diện tích đất tranh chấp do bà Bùi Thị U (mẹ của ông Võ Văn K và ông Đinh Hữu M) khai hoang sử dụng và đã được cấp giấy CNQSD đất số A 364739 ngày 18/8/1994. Năm 2014, bà Bùi Thị U tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho hộ ông Võ Văn K và bà Ngô Thị E quản lý, sử dụng vào mục đích nông nghiệp cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp năm 2022.

[2.6]. Lần đo đạc ngày 07/8/2024, các đương sự thống nhất diện tích đất tranh chấp là 8,2m² (phần diện tích đất bà Bùi Thị U trồng trầu) nằm trong tổng diện tích đất 21m² của lần đo đạc đầu tiên. Tại phiên tòa, ông Đinh Hữu M có yêu cầu rút lại

một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 12,8m². Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút.

[2.7]. Theo biên bản ghi lời khai (ngày 15/4/2025) và tại phiên tòa của ông Đinh Hữu M trình bày: Phần diện tích đất tranh chấp, khi bà Bùi Thị U còn sống bà sử dụng để trồng dây trầu. Năm 2001, gia đình ông đã xây tường gạch, rào lưới B40 ngăn cách phần đất giữa gia đình ông và gia đình ông Võ Văn K, đối với phần diện tích đất tranh chấp gia đình ông cũng chưa lại. Hiện nay phần diện tích đất tranh chấp nằm phía bên kia ranh giới đất do hộ ông Võ Văn K sử dụng. Lời trình bày này phù hợp với lời khai của ông Võ Văn K cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hiện tại, ranh giới diện tích đất giữa hai bên có 01 cây trụ bê tông do ông Võ Văn K trồng từ năm 2015 đến nay nhưng hộ ông Đinh Hữu M không có ý kiến phản đối. Các bên cũng thừa nhận phần diện tích đất tranh chấp do bà Bùi Thị U còn sống sử dụng, hiện tại gia đình ông Võ Văn K đang sử dụng trồng cây cảnh.

Điều này cho thấy, hộ ông Đinh Hữu M và ông Võ Văn K đã tự thỏa thuận về ranh giới đất giữa các bên từ năm 2001 đến năm 2022. Gia đình ông Đinh Hữu M không trực tiếp sử dụng phần đất này nên không có công sức tôn tạo, làm tăng giá trị đất.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở xác định phần diện tích đất tranh chấp 8,2m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A355787 ngày 18/8/1994 được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ ông Đinh Hữu M; không do hộ gia đình ông Đinh Hữu M quản lý, sử dụng từ năm 1994 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu M đối với ông Võ Văn K về việc tranh chấp quyền sử dụng đất 8,2m² tại khối phố B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là khối phố B, xã Đ, thành phố Đà Nẵng).

[3]. Đối với tài sản trên đất:

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại 13/01/2023 xác định trên diện tích đất tranh chấp có một số tài sản của hộ ông Đinh Hữu M. Tuy nhiên, ngày 07/8/2024, các đương sự có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định lại xác định trên phần đất tranh chấp chỉ có tài sản của ông Võ Văn K, tường rào, trụ bê tông và lưới B40 nằm ranh giới đất giữa các bên. Các bên không tranh chấp tài sản trên đất nên không giải quyết.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng, ông Đinh Hữu M tạm nộp số tiền 13.000.000 đồng, số tiền còn thừa là 3.000.000 đồng ông Đinh Hữu M đã nhận lại. Do yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu M không được chấp nhận căn cứ Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đinh Hữu M phải chịu toàn bộ chi phí này.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu M không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông Đinh Hữu M là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí, xét thấy phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

[1]. Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 218; Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 158, Điều 164, Điều 175, Điều 176, Điều 182 và Điều 183 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 236 Luật đất đai năm 2024.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu M về việc yêu cầu ông Võ Văn K trả lại diện tích đất tranh chấp là 8,2m² tại vị trí ranh giới đất giữa hai bên thuộc khối phố B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là khối phố B, xã Đ, thành phố Đà Nẵng) (có sơ đồ mảnh trích đo địa chính số 07-2024 ngày 19/12/2024 kèm theo).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu M đã rút đối với diện tích đất 12,8m² thuộc khối phố B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Quảng Nam (nay là khối phố B, xã Đ, thành phố Đà Nẵng). Ông Đinh Hữu M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[2.1]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Đinh Hữu M phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng ông Đinh Hữu M thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.2]. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đinh Hữu M phải chịu số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) chi phí tố tụng Ông Đinh Hữu M đã nộp đủ.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/8/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực X;
- Thi hành án thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Liêm